

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 15 tháng 09, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	IJC	12/09/2025	15.9	20.328.100	6.150.500	3.31
2	HVN	12/09/2025	33.95	4.132.500	1.534.177	2.69
3	VNM	12/09/2025	63.2	13.670.300	5.675.057	2.41
4	VEA	12/09/2025	40.1	1.649.500	733.627	2.25
5	CRE	12/09/2025	10.95	3.666.300	1.648.417	2.22
6	PVD	12/09/2025	23.9	21.699.100	10.138.333	2.14
7	CSM	12/09/2025	16.1	2.866.000	1.407.690	2.04
8	AAS	12/09/2025	13.2	4.731.800	2.474.847	1.91
9	MSN	12/09/2025	86	21.808.200	12.237.910	1.78
10	DPR	12/09/2025	39.3	1.357.200	775.187	1.75
11	MBS	12/09/2025	35.6	16.642.800	10.254.237	1.62
12	VCG	12/09/2025	26.95	25.964.100	16.335.407	1.59
13	KSB	12/09/2025	20.8	6.188.500	3.894.533	1.59
14	MZG	12/09/2025	16.7	2.163.800	1.396.177	1.55
15	ELC	12/09/2025	22.9	1.357.800	952.780	1.43
16	VHC	12/09/2025	60.1	2.517.000	1.821.577	1.38
17	DGW	12/09/2025	45.2	4.335.600	3.243.630	1.34
18	CTI	12/09/2025	26.55	2.624.900	2.026.063	1.03
19	GEX	12/09/2025	55	16.809.800	13.154.040	1.28
20	HSG	12/09/2025	20.5	16.958.900	13.576.460	1.25
21	CII	12/09/2025	23.9	47.068.200	38.740.856	1.21
22	HPG	12/09/2025	30	104.621.000	91.586.464	1.14
23	NKG	12/09/2025	19.6	23.331.200	21.726.890	1.07
24	VTZ	12/09/2025	19.3	2.401.800	2.264.227	1.06
25	BAF	12/09/2025	34.1	5.617.500	5.367.950	1.05
26	DXG	12/09/2025	24.5	28099400	27848346	1.01



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAA	12/09/2025	8.12	2.400.340	49.56	7.83	3.72	0.11	0.02
2	ASM	12/09/2025	8.25	1.145.680	49.28	7.88	4.71	0.12	-0.03
3	BID	12/09/2025	40.95	7.631.610	49.72	38.41	6.62	0.63	-0.18
4	BMI	12/09/2025	21.55	559.260	48.04	20.78	3.71	0.1	0.1
5	BVS	12/09/2025	38.1	686.480	44.02	35.83	6.35	0.66	-0.29
6	DVM	12/09/2025	8	620.110	57.88	7.56	5.79	0.16	0.09
7	GIL	12/09/2025	19.45	732.870	48.26	18.33	6.13	0.2	0.16
8	IDC	12/09/2025	43.2	1.768.760	51.97	41.79	3.38	0.96	-1
9	NHA	12/09/2025	23.2	911.210	46.7	22.71	2.16	0.33	-0.07
10	OIL	12/09/2025	11.9	1.904.370	48.85	11.66	2.02	0.1	-0.02
11	PAC	12/09/2025	26.45	514.670	42.98	24.82	6.58	0.04	0.03
12	PNJ	12/09/2025	88	702.210	58.09	86.5	1.73	1	-1.43
13	SSB	12/09/2025	19.65	2.847.370	42.86	18.87	4.15	0.12	0.31
14	TNG	12/09/2025	20.9	1.070.690	53.78	20.69	1.04	0.2	-0.41
15	VEA	12/09/2025	40.1	823.680	72.22	39.17	2.36	0.08	-0.24
16	VOS	12/09/2025	15.4	1.581.580	51.2	15.23	1.09	0.1	-0.15
17	VPI	12/09/2025	59.3	2.544.340	64.36	55.69	6.49	0.9	-0.5
18	YEG	12/09/2025	14.05	2.666.280	48.69	13.67	2.76	0.12	0.43

Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ANV	28.55	29.85	4.665.950
2	C47	12.7	13.25	398050
3	C69	12.3	12.8	884.450
4	CSM	16.1	16.4	1.457.700
5	DXG	24.05	24.45	24090590
6	GMD	69.2	70.4	3.550.470
7	HPG	30	30.1	94.521.984
8	JVC	6.52	6.52	881.400
9	L40	66.6	66.7	400.120
10	MSN	86	87.4	10.494.200
11	MWG	79	79.4	10.558.760
12	NKG	19.6	20.4	26.434.940
13	S99	12	12.2	738.310
14	SCI	11.4	11.4	201.180
15	SJD	16.1	16.1	238.540
16	VIC	137.8	139.9	2.289.590
17	VJC	146	152.3	2.125.020
19	TVB	10.7	11.15	412.020

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	IJC	15.9	15.3	7.280.980
2	KSB	20.8	20.4	3.189.600
3	PVD	23.9	23	9262900
4	VEA	40.1	40	823.680
5	VPI	59.3	58.9	2.544.340

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CSI	28.8	27	22.220
2	CST	14.5	14.4	21.150
3	KCB	10.3	10	26.720
4	MTA	14.3	13.2	27.810
5	SGR	27.3	26.95	438.830
6	VRG	18.3	18	16.500

Phá đáy 1 năm

Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DC4	12.15	12.09	803.530
2	OIL	11.9	11.66	1.904.370
3	PNJ	88	86.5	702210
4	TNG	20.9	20.69	1.070.690
5	VOS	15.4	15.23	1.581.580

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AAA	8.12	08.07	2.400.340
2	ASM	8.25	8.22	1.145.680
3	DDV	31	30.99	878980
4	DGW	45.2	44.32	2.565.200
5	EIB	27.2	27.11	14.490.120
6	OGC	4.6	4.6	918.120
7	PVC	12.4	12.04	1.720.820
8	PVS	35.4	34.45	4.700.760
9	SCR	8.89	8.8	4696710
10	TDC	13.15	12.54	886250
11	TNG	20.9	20.8	1070690
12	VOS	15.4	15.33	1581580

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	ACM	0.7	0.63	1.468.300
2	CRE	10.95	10.59	1.527.530
3	ELC	22.9	22.19	521820
4	GEG	16.2	15.95	859.660
5	GEX	55	53.62	10.301.820
7	HHV	15.15	15.02	12249170
8	MSN	86	82.83	10494200
9	NT2	21.9	21.89	1335460
10	PVC	12.4	12.01	1720820
11	PVS	35.4	34.94	4700760
12	QBS	0.8	0.73	938410
13	SAB	46.65	46.63	813830
14	TDC	13.15	13.03	886250
15	TNG	20.9	20.36	1070690
16	TVN	8.6	8.48	789500
17	VC3	28.5	28.34	946200
18	VCG	26.95	25.92	12179770
14	VGS	31.2	30.98	2038440
15	VOS	15.4	15.33	1581580



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DL1	6.5	6.62	843.710
2	HNG	6.3	6.44	3.645.340
3	TTH	2.7	2.74	542130

Cắt xuống đường trung bình MA20

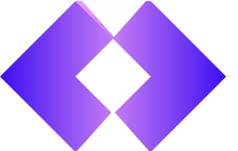
STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	FPT	101.6	101.74	8.437.670
2	HNG	6.3	6.37	3.645.340
3	HSL	13.95	14.18	927460
4	VDS	23.3	23.32	5.572.860

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	APS	10.2	10.31	1.881.090
2	DBC	29.15	29.28	9.110.310
3	HNG	6.3	6.31	3645340
4	TTH	2.7	2.77	542.130

Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	QNS	12/09/2025	47.3	46.06	49.1	6.6	124.280
2	QTP	12/09/2025	13.5	13	13.9	6.9	353.540
3	VEA	12/09/2025	40.1	37.9	40.9	7.9	885.960
4	SAB	12/09/2025	46.65	45.45	50	10	798.080
5	PPC	12/09/2025	10.9	10.7	11.8	10.3	495.140
6	TNH	12/09/2025	15.9	15.6	17.2	10.3	237.860
7	CLL	12/09/2025	35.6	33	36.6	10.9	142.080
8	PVT	12/09/2025	18.1	17.65	19.6	11	2.813.080
9	SJD	12/09/2025	16.1	14.5	16.01	11	350.960
10	SBG	12/09/2025	12.65	11.75	13.5	11.1	127.380
11	PVP	12/09/2025	15.2	14.75	16.4	11.2	129.500
12	DBD	12/09/2025	53.8	51.2	57	11.3	52.120
13	REE	12/09/2025	66.8	63.9	71.2	11.4	826.320
14	BWE	12/09/2025	47.4	46.5	51.9	11.6	192.540
15	SVT	12/09/2025	11.3	10.95	12.24	11.8	96.360
16	CNG	12/09/2025	28.95	27.15	30.4	12	56.240
17	IMP	12/09/2025	54.5	50.3	56.5	12.3	119.720
18	SCS	12/09/2025	60.2	58.8	66.3	12.8	221.380
19	GAS	12/09/2025	62.5	61.3	69.33	13.1	935.180
20	FMC	12/09/2025	37.8	35.6	40.3	13.2	64.580
21	KDC	12/09/2025	54.2	51.9	59	13.7	433880
22	VIP	12/09/2025	13.35	12.4	14.1	13.7	169460
23	VLB	12/09/2025	48	43.5	49.5	13.8	66800
24	ABI	12/09/2025	21.5	20.34	23.18	14	198460
25	VLC	12/09/2025	15.2	14.8	16.9	14.2	138780
26	KHP	12/09/2025	12.5	11.65	13.3	14.2	71980
27	CLX	12/09/2025	16.5	15.34	17.6	14.7	69820



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 1, 1A, 2-389 Đê La Thành, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường
Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông
Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại: 0237 3515 009